

Bản án số: 993/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 05/9/2024

V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Út

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Nguyễn Minh Nam

2. Ông Đỗ Xuân Nam

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Mai Như Trang - Thư ký Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Lê - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận xét xử công khai vụ án thụ lý số 461/2024/TLST-HNGĐ ngày 24/4/2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 300/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/8/2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Mỹ Ngọc H (*Đề nghị xét xử vắng mặt*)

Địa chỉ: 71/20 Đường Q, Phường W, quận O, Tp. Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thanh B (*Đề nghị xét xử vắng mặt*)

Địa chỉ: 71/20 Đường Q, Phường W, quận O, Tp. Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/4/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Mỹ Ngọc H trình bày:

Bà Mỹ Ngọc H và ông Nguyễn Thanh B có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 04/1999 do Ủy ban nhân dân Phường 17, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/01/1999. Thời gian đầu kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, ông B có người

phụ nữ bên ngoài. Nay vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Thanh B.

- Về con chung: 01 con chung là Nguyễn Mỹ Ngọc H, sinh ngày 07/11/2006. Bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Tại Bản tự khai ngày 13/8/2024, bị đơn ông Nguyễn Thanh B trình bày:

Ông B và Bà H thường xuyên mâu thuẫn kéo dài do bất đồng quan điểm, thường cãi vã nên vợ chồng không còn tình cảm và đã ly thân hơn 01 năm. Nay bà Mỹ Ngọc H yêu cầu ly hôn thì ông B đồng ý.

- Về con chung: Ông B đồng ý giao con chung Nguyễn Ngọc Mỹ H cho Bà H nuôi dưỡng, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Mỹ Ngọc H và bị đơn ông Nguyễn Thanh B vắng mặt và có đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận phát biểu quan điểm:

+ Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đã được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận nhận định:

[1] Về thẩm quyền:

Bà Mỹ Ngọc H khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Thanh B, tại thời điểm Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận thụ lý vụ án bị đơn cư trú tại quận O. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì yêu cầu trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 04/1999 ngày 14/01/1999 của Ủy ban nhân dân Phường 17, quận Phú Nhuận, thể hiện hôn nhân giữa bà Mỹ Ngọc H và ông Nguyễn Thanh B là hợp pháp.

Theo bà Mỹ Ngọc H trình bày, quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, ông B có người người phụ nữ khác. Đồng thời, ông B cũng thừa nhận giữa ông B và Bà H thường xuyên mâu thuẫn kéo dài do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã nên vợ chồng không còn tình cảm, đã ly thân hơn 01 năm nay. Xét thấy mâu thuẫn của hai bên đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Bà H yêu cầu ly hôn ông B để ổn định cuộc sống là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, ông B cũng đồng ý ly hôn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] *Về con chung*: Có 01 con chung là trẻ Nguyễn Mỹ Ngọc H, sinh ngày 07/11/2006. Trẻ Ngọc H đang sống với Bà H vẫn phát triển tốt về mặt thể chất lẫn tinh thần, theo bản tự khai của Trẻ Ngọc H thì trẻ có nguyện vọng sống chung với Bà H. Đồng thời, ông B cũng đồng ý giao Trẻ Ngọc H cho Bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử giao Trẻ Ngọc H cho Bà H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Các đương sự không có yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về tài sản chung*: Bà H và ông B tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về nợ chung*: Bà H và ông B tự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Bà H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 và 85 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Mỹ Ngọc H.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Mỹ Ngọc H ly hôn với ông Nguyễn Thanh B.

1.2. *Về con chung*: Giao trẻ Nguyễn Mỹ Ngọc H, sinh ngày 07/11/2006 cho bà Mỹ Ngọc H tiếp tục nuôi dưỡng.

Ghi nhận việc Bà H không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Nếu lợi dụng việc thăm nom con chung để gây cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người trực tiếp nuôi con và các thành viên khác trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3. *Về tài sản chung*: Bà H và ông B tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét.

1.4. *Về nợ chung*: Bà H và ông B tự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Bà Mỹ Ngọc H phải chịu án phí ly hôn là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0032416 ngày 23/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H đã nộp đủ.

3. Về quyền kháng cáo:

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Q.Phú Nhuận;
- CCTHADS Q.Phú Nhuận;
- UBND P. 17, Q. Phú Nhuận;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Út

